

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 71/2025/DS-ST

Ngày: 09-5-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
và hợp đồng mượn tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba;
2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXX-DSST ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền số 1991/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024 của Giám đốc Công ty về việc uỷ quyền thực hiện hoạt động tố tụng) (anh T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) và người đại diện hợp pháp của Công ty trình bày:

Ông N có ký hợp đồng cầm cố tài sản T2M2310201002NA21X đối với Công ty TNHH S1 nay là Công ty cổ phần S vào ngày 02/02/2023 và đã nhận số tiền là 14.300.000 đồng của Công ty. Thời hạn cầm cố 12 tháng tính từ ngày 02/02/2023 đến ngày 02/02/2024, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ 0,5%. Ông N cam kết thanh toán tiền kỳ hàng tháng với số tiền 1.319.204,41 đồng vào ngày 02 hàng tháng. Nếu quá hạn phải trả phí chậm trả 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ.

Ông N đã cầm cố, thế chấp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 theo phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 02/02/2023 và ông N đã giao 01 bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sử dụng biển số 70D1-726.28 cho công ty.

Ngày 02/02/2023 Công ty đã cho ông N mượn lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 02/02/2023 đến ngày 02/03/2023.

Từ khi cầm cố tài sản đến nay ông N đã trả được số tiền 3.383.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.043.406 đồng, tiền lãi trong hạn là 304.170 đồng, lãi quá hạn: 39.165 đồng, 138.259 đồng phí quản lý hồ sơ, 858.000 đồng phí hao mòn, bảo dưỡng xe đến ngày 18/4/2023. Sau thời gian này Công ty không liên lạc được với ông N và ông N cũng không trả thêm khoản tiền nào khác cho Công ty, không trả lại tài sản cầm cố cho Công ty. Đến nay Công ty không biết ông N đang sinh sống ở đâu và thông tin về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2024, Công ty cổ phần S có ngay yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 24/8/2024 với số tiền 23.336.826 (*hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi hai*) đồng trong đó tiền gốc là 12.256.594 đồng, lãi cố định 1,1% là 2.157.161 đồng, lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 1.078.580 đồng, phí quản lý hồ sơ 0,5% là 980.528 đồng, phí hao mòn bảo dưỡng xe 3% là 6.864.000 đồng và chịu lãi, chi phí phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 24/8/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên Công ty cổ phần S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 để thu hồi nợ.

Sau khi xem xét các hợp đồng cầm cố, mượn tài sản nay Công ty cổ phần S thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Hoàng N phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 28/02/2025 số tiền là 16.288.375 (*mười sáu triệu hai trăm hai tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm*) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 12.256.954 (*mười hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi bốn*) đồng; tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế là 2.696.451 đồng; tiền lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 1.348.225 đồng. Phí quản lý hồ sơ 0,5% trên dư nợ thực tế 1.225.659 đồng. Đồng thời ông N phải tiếp tục chịu lãi và chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 28/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Ngày 25/02/2025 Công Ty Cổ Phần S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông N về số tiền phí hao mòn bảo dưỡng mượn xe 3% ghi trong đơn kiện là 6.864.000 đồng và 858.000 đồng tiền nợ gốc.

- Công ty Cổ Phần S không yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 để thu hồi nợ trong trường hợp ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

- Công ty cổ phần S đồng ý trả lại 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70.008347 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-726.28, sau khi ông N trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn H trình bày tại biên bản lấy lời khai đề ngày 11/11/2024:*

Ông thừa nhận có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S; địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Mục đích là cầm cố chiếc xe máy 02 bánh, biển kiểm soát 70D1-726.28, loại xe Honda Wave RSX FI, màu xám với số khung là RLHJA3836MY114030 và số máy là JA52E0293491 cho Công ty để vay số tiền 13.000.000 đồng chẵn. Ông chỉ nhận được tiền thông qua việc công ty chuyển khoản vào tài khoản của ông mở tại Ngân hàng P viết tắt O, chi nhánh T1 số tiền 13.000.000 đồng. Số tiền ông ký phiếu chi và hợp đồng của công ty là ông không biết công ty tính thêm phụ phí hoặc khoản tiền gì. Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông trong hợp đồng hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày 02/02/2023 và trong phiếu chi đề ngày 02/02/2023, giấy mượn xe đề ngày 02/02/2023, phiếu đăng ký cầm cố đề ngày 02/02/2023 là của ông. Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày 02/02/2023, Công ty S giữ bản chính giấy tờ xe của ông, ông mượn lại chiếc xe và tiếp tục quản lý sử dụng. Ông đóng được 02 tháng với số tiền gốc lãi là: tháng 3/2023 đóng được: 1.606.000 đồng, tháng 4/2023 đóng được 1.777.000 đồng, tổng cộng ông đã trả được là 3.383.000 đồng. Đến tháng 5/2023, ông đi bắt ốc để xe trên bờ, xuống sông bắt ốc thì bị kẻ trộm ăn cắp xe của ông. Hiện nay ông chưa tìm được xe. Khi mất xe ông không báo với Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền. Ông cũng không trình báo với công ty S.

Hiện nay Công ty yêu cầu ông trả số tiền 23.336.862 đồng (trong đó nợ gốc là 12.256.594 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 24-8-2024 là 11.080.268 đồng), tiền lãi và các chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 24-8-2024 cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ thì ông có ý kiến như sau: ông đồng ý trả cho công ty S2 tiền gốc là 12.256.594 đồng, xin không trả lãi và các khoản phụ phí khác. Lý do hiện nay ông đang khó khăn về kinh tế. Ông không có việc làm, gia đình không có thu nhập, hiện nay gia đình ông là hộ nghèo cấp tỉnh.

Về án phí, chi phí tố tụng: ông đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật. Ông không trình bày gì thêm.

Tại phiên toà: ông Lê Thanh T và ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt nên không có lời trình bày.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 303, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 494, 497, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải thanh toán nợ cho Công ty cổ phần S với tổng số tiền tính đến ngày 09/5/2025 là 17.519.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 11.398.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.164.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 1.519.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 1.438.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông N trả tiền lãi, chi phí phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký kết với Công ty.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S đối với yêu cầu về phí bảo dưỡng mượn xe với số tiền 6.864.000 đồng và số tiền nợ gốc 858.000 đồng.

Ghi nhận Công ty Cổ Phần S không yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 để thu hồi nợ trong trường hợp ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ

Ghi nhận Công ty cổ phần S đồng ý trả lại 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70.008347 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-726.28, sau khi ông N trả hết nợ.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Skhởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N phải thanh toán số tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong các hợp đồng ông N đã ký kết, thể hiện ông N có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của các đương sự: xét thấy người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Thanh T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Hoàng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty cổ phần S yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tính đến hết ngày 28/02/2025 với số tiền là 16.288.375 (*mười sáu triệu hai trăm hai tám mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm*) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 12.256.954 (*mười hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi bốn*) đồng; tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế là 2.696.451 đồng; tiền lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 1.348.225 đồng. Phí quản lý hồ sơ 0,5% trên dư nợ thực tế 1.225.659 đồng. Đồng thời ông N phải tiếp tục chịu lãi và chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 28/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty đã cung cấp các tài liệu có liên quan, hợp đồng cầm cố tài sản số T2M2310201002NA21X, phụ lục hợp đồng, giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm và giấy mượn xe đề ngày 02/02/2023 ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng N và Chi nhánh T1 01 – Công ty TNHH S3 (*Công ty TNHH S3 nay là Công ty cổ phần S*).

[2.2] Hợp đồng cầm cố tài sản số T2M2310201002NA21X ngày 02/02/2023 và Phụ lục hợp đồng cầm cố được ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng N và Chi nhánh T1 01 – Công ty TNHH S3 phù hợp quy định tại các Điều 311, 312, 313, 314, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp pháp.

Công ty thừa nhận ông N đã thanh toán cho Công ty số tiền 3.383.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.043.406 đồng, tiền lãi trong hạn là 304.170 đồng, lãi quá hạn: 39.165 đồng, 138.259 đồng phí quản lý hồ sơ, 858.000 đồng phí hao mòn, bảo dưỡng xe đến ngày 18/4/2023. Từ sau ngày 18/04/2023 Công ty không liên lạc được với ông N. Ông N đã ngưng thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng cầm cố ngày 02/02/2023 và khoản 3 Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó công ty khởi kiện ông N phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi, phí quản lý hồ sơ là có căn cứ.

Đối với số tiền 858.000 đồng phí hao mòn, bảo dưỡng xe ông N đã thanh toán cho công ty xét thấy các bên được giao dịch mượn xe trên cơ sở tự nguyện nhưng không được trái quy định của pháp luật. Tại khoản 3 Điều 497 của BLDS năm 2015 quy định quyền lợi của bên mượn tài sản: “bên mượn tài sản không phải chịu trách nhiệm về những hao mòn tự nhiên của tài sản mượn”. Do ông N là bên mượn xe nên không phải chịu các chi phí hao mòn tự nhiên khi sử dụng xe đã mượn theo quy định, yêu cầu của Công ty buộc ông N phải thanh toán chi phí hao mòn là không có căn cứ. Bên cạnh đó, Tại mục 5 của Phụ lục Hợp đồng cầm cố, hai bên đã thoả thuận về việc xử lý tài sản cầm cố, theo đó nếu giá trị thu hồi từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán nợ gốc, nợ lãi thì ông N phải tiếp tục nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho Công ty. Thoả thuận về phí hao mòn xe theo Giấy mượn xe mâu thuẫn với mục 5 của Phụ lục Hợp đồng cầm cố, trái pháp luật nên vô hiệu theo Điều 123 của BLDS năm 2015. Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty xác định trên

thực tế Công ty chưa thực hiện việc bảo dưỡng xe nên số tiền 858.000 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng xe ông N đã trả cho Công ty được khấu trừ vào số tiền nợ gốc. Như vậy số tiền gốc còn lại là 11.398.000 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án công ty cổ phần S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí bảo dưỡng mượn xe 5%, với số tiền 7.359.000 đồng; phí thanh toán trước hạn 1.717.100 đồng và số tiền gốc 858.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, số tiền nợ gốc, nợ lãi ông N nợ công ty được tính lại như sau:

- Tiền nợ gốc sau khi khấu trừ số tiền 858.000 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng xe ông N đã đóng, còn lại là 11.398.000 đồng.

Thời hạn ông N chưa thanh toán lãi cho công ty được tính từ ngày 02/04/2023 tính đến ngày 09/5/2025 là 25 tháng 7 ngày; thời hạn chậm trả tính từ ngày 02/5/2025 cho đến ngày 09/5/2025 là 24 tháng 7 ngày.

- Tiền nợ lãi cố định trên số tiền nợ gốc là: $11.398.000 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 3.164.000 \text{ đồng};$

- Tiền nợ lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc là: $11.398.000 \text{ đồng} \times 0,55\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 1.519.000 \text{ đồng};$

- Phí quản lý hồ sơ $0,5\%/\text{tháng}$ trên số tiền nợ gốc là: $11.398.000 \text{ đồng} \times 0,5\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 1.438.000 \text{ đồng}.$

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông N có nghĩa vụ trả cho Công ty tổng số tiền 17.519.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 11.398.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.164.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 1.519.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 1.438.000 đồng.

[2.5] Về xử lý tài sản cầm cố và hợp đồng mượn tài sản: Công ty đã đăng ký giao dịch đảm bảo 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sở hữu trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số đăng ký là 1488395301 để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố ngày 02/02/2023. Ngày 02/02/2023, Công ty đã cho ông N mượn lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 trong thời hạn 01 tháng, chậm nhất là ngày 02/3/2023 ông N phải trả lại xe máy.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ Phần S không yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 để thu hồi nợ trong trường hợp ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Công ty cổ phần S có ngay đồng ý trả lại 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70.008347 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-726.28, sau khi ông N trả hết nợ, nên các vấn đề này được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S nên Công

ty không phải chịu án phí hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí công ty đã nộp.

+ Ông Nguyễn Hoàng N trình bày là ông thuộc hộ nghèo cấp tỉnh nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh và không có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí theo quy định.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 303, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 494, 497, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản*” đối với ông Nguyễn Hoàng N.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S với tổng số tiền 17.519.000 (mười bảy triệu năm trăm mười chín nghìn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 11.398.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.164.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 1.519.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 1.438.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố.

2. Ghi nhận Công ty Cổ Phần S không yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản đảm bảo là xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu xám, biển số 70D1-726.28 để thu hồi nợ trong trường hợp ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Ghi nhận Công ty cổ phần S đồng ý trả lại 01 (một) bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 70.008347 do Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Hoàng N đứng tên chủ sử dụng biển số đăng ký 70D1-726.28, sau khi ông N trả hết nợ.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S đối với yêu cầu phí hao mòn bảo dưỡng mượn xe 3% ghi trong đơn kiện là 6.864.000 đồng và số tiền gốc 858.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty cổ phần S không phải chịu án phí, hoàn trả cho công ty số tiền 583.422 (năm trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng đã nộp theo Biên

lai thu số 0009813 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 875.950 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân